

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ NỘI THẤT HND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ NỘI THẤT HND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HND FURNITURE DECORATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HND FURNITURE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109177968

**3. Ngày thành lập:** 11/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 342 Nam Dư, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                | 1622(Chính) |
| 2.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                | 1623        |
| 3.  | In ấn<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                       | 1811        |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                        | 1812        |
| 5.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                          | 3100        |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                             | 3312        |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                      | 4101        |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                | 4102        |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                 | 4311        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng) | 4312        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                  | 4321        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                  | 4322        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                         | 4329        |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                         | 4330        |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                    | 4390        |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                    | 4651        |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                     | 4652        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                        | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)                                                                                                                                      | 4662 |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                       | 4663 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su | 4669 |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4741 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4752 |
| 24. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4753 |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4759 |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                             | 4791 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                 | 4931 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                | 4933 |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày           | 5510 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                  | 5610 |
| 31. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                              | 7710 |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                      | 7730 |
| 33. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                               | 9524 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH VĂN HÙNG | Tổ 15, Tứ Kỳ, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 117.000    | 1.170.000.000         | 30,000    | 0360800000<br>27                                                                            |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 117.000    | 1.170.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHAN VĂN TUẤN | Xóm 25, Xã Giao Thiện, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 117.000    | 1.170.000.000         | 30,000    | 0360900004<br>75                                                                            |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 117.000    | 1.170.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN VIỆT HOÀNG | Phòng 312, 36 phố Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 156.000 | 1.560.000.000 | 40,000 | 035070000353 |
|   |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                               | Tổng số                   | 156.000 | 1.560.000.000 | 40,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036080000027

Ngày cấp: 21/01/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 15, Tứ Kỳ, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 15, Tứ Kỳ, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội